

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước  
trong lĩnh vực lao động thương binh và xã hội về trợ giúp xã hội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về việc quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Thu*

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, định mức nhân viên và quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ trợ giúp xã hội;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

Căn cứ Nghị quyết số 243/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng về việc quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thuộc thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 88/TTr-STC ngày 05 tháng 6 năm 2020; ý kiến đề xuất của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tại Công văn số 949/SLĐTBXH-KHTC ngày 07 tháng 4 năm 2020 và Công văn số 1179/SLĐTBXH-KHTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; ý kiến thẩm định văn bản của Sở Tư pháp tại Công văn số 1605/STP-XDKTVB ngày 27 tháng 5 năm 2020; trên cơ sở ý kiến biểu quyết của các thành viên UBND thành phố tại phiên họp ngày 05/8/2020 (Thông báo số 381/TB-VP ngày 12/8/2020 của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, HĐND, UBND thành phố Đà Nẵng).

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động thương binh và xã hội về trợ giúp xã hội với các nội dung cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động thương binh và xã hội về trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đối với các dịch vụ, cụ thể:

a) Dịch vụ chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp quy định tại Điều 25 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

b) Dịch vụ chăm sóc dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

c) Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng dài hạn cho đối tượng tự nguyện sống.

## 2. Đối tượng áp dụng:

- UBND thành phố Đà Nẵng và cơ quan quản lý trực thuộc UBND thành phố được ủy quyền đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực trợ giúp xã hội.

- Đơn vị sự nghiệp công lập, nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác, cơ sở trợ giúp xã hội đáp ứng đầy đủ các điều kiện và được cấp phép hoạt động theo quy định tại Điều 26 và Điều 45 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.

- Các đối tượng được trợ giúp xã hội quy định tại Điều 6 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Mức giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động thương binh và xã hội về trợ giúp xã hội: Thực hiện theo Phụ lục chi tiết kèm theo.

## Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan:

### 1. Cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm:

a) Căn cứ giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động thương binh và xã hội về trợ giúp xã hội làm cơ sở thực hiện.

b) Giải quyết khiếu nại liên quan đến giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động thương binh và xã hội về trợ giúp xã hội trong phạm vi quản lý. Báo cáo tình hình và vướng mắc liên quan đến giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động thương binh và xã hội về trợ giúp xã hội cho cơ quan chức năng.

c) Thực hiện việc theo dõi, hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước về thuế; quản lý, sử dụng số tiền còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật và cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Cục Thuế thành phố triển khai, hướng dẫn theo dõi, kiểm tra việc thực hiện mức giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động thương binh và xã hội về trợ giúp xã hội tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật; Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính báo cáo, đề xuất UBND thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.

3. Cục Thuế thành phố Đà Nẵng: có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế và các pháp luật có liên quan.



*Jm*

4. Sở Tài chính phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ triển khai, tổ chức thực hiện Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động thương binh và xã hội về trợ giúp xã hội đảm bảo quy định của Luật giá.

### **Điều 3. Quy định chuyển tiếp**

Đối với nguồn kinh phí ngân sách thành phố giao cho các cơ sở trợ giúp xã hội công lập thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành cho đến khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đặt hàng cung cấp dịch vụ.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~31~~-~~12~~-2020.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, HĐND và UBND thành phố Đà Nẵng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Thuế thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Tu*

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính, Cục Quản lý Giá;
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- TTTU, TT HĐND thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND TP;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP Đà Nẵng;
- Các Sở, ban, ngành;
- Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng;
- UBND các quận, huyện, phường, xã;
- Cổng thông tin điện tử TPĐN;
- Báo Đà Nẵng; Đài PTTH Đà Nẵng;
- Lưu: VT, KTTC, STC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Huỳnh Đức Thơ*  
**Huỳnh Đức Thơ**

30/11

## Phụ lục

# GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI VỀ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số: 28 /2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2020 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá dịch vụ
<b>A</b>	<b>DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NSNN VỀ TRỢ GIÚP XÃ HỘI</b>		
<b>I</b>	<b>Dịch vụ chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp</b>	<b>đồng/đối tượng/ngày</b>	<b>167.000</b>
<b>II</b>	<b>Dịch vụ chăm sóc dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội</b>		
1	Dịch vụ đối với trẻ em dưới 18 tháng tuổi	đồng/đối tượng/tháng	11.942.000
2	Dịch vụ đối với trẻ em bình thường từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi	đồng/đối tượng/tháng	7.230.000
3	Dịch vụ đối với trẻ em bình thường từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi và đối tượng từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học các cấp học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học	đồng/đối tượng/tháng	6.052.000
4	Dịch vụ đối với trẻ em khuyết tật, tâm thần, nhiễm HIV từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi	đồng/đối tượng/tháng	7.629.000
5	Dịch vụ đối với trẻ em khuyết tật, tâm thần, nhiễm HIV từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi	đồng/đối tượng/tháng	7.629.000
6	Dịch vụ đối với người khuyết tật không còn tự phục vụ được, người nhiễm HIV thuộc hộ nghèo không còn khả năng lao động	đồng/đối tượng/tháng	8.529.000
7	Dịch vụ đối với người cao tuổi còn tự phục vụ được	đồng/đối tượng/tháng	6.018.000
8	Dịch vụ đối với người cao tuổi không còn tự phục vụ được	đồng/đối tượng/tháng	9.033.000
9	Dịch vụ đối với người tâm thần đặc biệt nặng	đồng/đối tượng/tháng	6.635.000

TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá dịch vụ
10	Dịch vụ đối với người tâm thần đặc biệt nặng là người cao tuổi	đồng/đối tượng/tháng	7.108.000
<b>B</b>	<b>DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG MỘT PHẦN NSNN VỀ TRỢ GIÚP XÃ HỘI</b>		
<b>I</b>	<b>Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng dài hạn cho đối tượng tự nguyện sống</b>		
1	Giá dịch vụ đối với người cao tuổi, người khuyết tật còn tự phục vụ được	đồng/đối tượng/tháng	6.000.000
2	Giá dịch vụ đối với người cao tuổi, người khuyết tật không còn tự phục vụ được	đồng/đối tượng/tháng	9.000.000

- Giá dịch vụ nêu trên bao gồm chi phí trực tiếp để thực hiện dịch vụ, chi phí tiền lương, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định; chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, lợi nhuận.

- Đối với giá chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp: Ngoài mức giá quy định nêu trên, đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp khi tiếp nhận tạm thời vào cơ sở trợ giúp xã hội được hỗ trợ một lần các khoản chi phí không quá 977.000 đồng/lượt/đối tượng, gồm: Chi phí khám sức khỏe ban đầu không quá: 53.000 đồng/lượt/đối tượng; Chi phí quần áo (gồm: quần áo lót: 100.000 đồng/lượt/đối tượng, quần áo mùa đông: 350.000 đồng/lượt/đối tượng, quần áo mùa hè: 300.000 đồng/lượt/đối tượng) không quá: 750.000 đồng/lượt/đối tượng; Các khoản chi phí khăn, dép, tất, bàn chải đánh răng không quá: 174.000 đồng/lượt/đối tượng, tùy thuộc vào thời gian lưu trú của đối tượng và nhu cầu thực tế phát sinh, cơ sở trợ giúp xã hội xem xét quyết định mức hỗ trợ này cho phù hợp, tiết kiệm và hiệu quả.

- Đối với giá dịch vụ chăm sóc dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội nêu trên chưa bao gồm các chi phí: Chi phí hỗ trợ vật dụng cho đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ (74.000 đồng/người/tháng); Chi phí mai táng phí; Chi phí văn hóa, thể thao, giải trí; Tư vấn, trợ giúp, hỗ trợ đối tượng trở về gia đình cộng đồng. Hỗ trợ cho các đối tượng khi có nhu cầu phát sinh.

- Đối với giá dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng dài hạn cho đối tượng tự nguyện sống là mức thu của cơ sở trợ giúp xã hội công lập đối với đối tượng tự nguyện./.